



MASTER HPI-T Plus

MASTER HPI-T Plus 250W/645 E40 1SL/12

Đèn halogen kim loại thạch anh có vỏ bọc trong suốt

Cảnh báo và An toàn

- Chỉ sử dụng với những bộ đèn kín hoàn toàn, ngay cả trong quá trình thử nghiệm (IEC61167, IEC 62035, IEC60598)
- Bộ đèn phải có khả năng giữ lại mảnh vỡ nóng khi bóng đèn bị vỡ
- Sử dụng với bộ điều khiển được thiết kế chuyên dụng cho đèn thủy ngân hoặc natri cao áp
- Khả năng bóng đèn vỡ gây ảnh hưởng đến sức khỏe người dùng là gần như không thể. Nếu bóng đèn bị vỡ, hãy thông gió cho phòng trong 30 phút và tháo các bộ phận ra, tốt hơn là nên đeo găng tay. Đặt các bộ phận vào một túi nhựa kín và mang đến các cơ sở xử lý chất thải địa phương để tái chế. Không sử dụng máy hút bụi.

Dữ liệu sản phẩm

Thông tin chung	
Đế dui đèn	E40 [E40]
Vị trí vận hành	P20 [Song song +/-20D hoặc Ngang (HOR)]
Tuổi thọ đến khi hỏng 5% (Danh định)	5000 h
Thời hạn sử dụng đến 10% công năng (Danh định)	7500 h
Tuổi thọ đến khi hỏng 20% (Danh định)	11000 h
Tuổi thọ đến khi hỏng 50% (Danh định)	20000 h
Mô tả hệ thống	Vị trí hoạt động theo phương ngang

Thông số kỹ thuật ánh sáng	
Mã màu	645 [CCT 4500K]
Quang thông (Định mức) (Tối thiểu)	17550 lm
Quang thông (Định mức) (Danh định)	19500 lm
Ký hiệu màu sắc	Trắng mát (CW)
Hệ số duy trì quang thông 10000 giờ (Danh định)	70 %
Hệ số duy trì quang thông 2000 giờ (Tối thiểu)	75 %
Hệ số duy trì quang thông 2000 giờ (Danh định)	90 %

Hệ số duy trì quang thông 20000 giờ	60 %
Hệ số duy trì quang thông 5000 giờ (Tối thiểu)	65 %
Hệ số duy trì quang thông 5000 giờ (Danh định)	80 %
Tọa độ màu X (Danh định)	365
Tọa độ màu Y (Danh định)	377
Nhiệt độ màu tương quan (Danh định)	4500 K
Quang hiệu (định mức) (Danh định)	79 lm/W
Chỉ số hoàn màu (Danh định)	65

Thông số vận hành và điện	
Công suất (Danh định)	247 W
Dòng điện bóng đèn khi tăng độ sáng (Tối đa)	3,9 A
Dòng điện bóng đèn (EM) (Danh định)	2,1 A
Điện áp nguồn kích đèn (Tối đa)	198 V
Điện áp dãn kích đèn (Tối đa)	560 V
Điện áp nguồn kích đèn (Tối thiểu)	198 V
Thời gian kích đèn (Tối đa)	10 s
Điện áp (Tối đa)	138 V

MASTER HPI-T Plus

Điện áp (Tối thiểu)	118 V
Điện áp (Danh định)	128 V

Điều khiển và thay đổi độ sáng

Có thể điều chỉnh độ sáng	Không
---------------------------	-------

Cơ khí và bộ vỏ

Lớp hoàn thiện bóng đèn	Trong suốt
Hình dạng bóng đèn	T46 [T 46 mm]

Phê duyệt và Ứng dụng

Hàm lượng thủy ngân (Hg) (Danh định)	36 mg
Mức tiêu thụ năng lượng kWh/1000 h	272 kWh

Các yêu cầu thiết kế bộ đèn

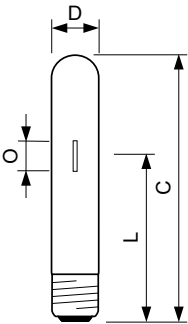
Nhiệt độ bóng đèn (Tối đa)	550 °C
----------------------------	--------

Nhiệt độ bề mặt đèn (Tối đa)	250 °C
------------------------------	--------

Thông số sản phẩm

Mã sản phẩm đầy đủ	871150017989015
Tên sản phẩm khác	MASTER HPI-T Plus 250W/645 E40 1SL/12
EAN/UPC - Sản phẩm	8711500179890
Mã đơn hàng	928481300098
Phần tử - Số lượng trên một bộ	1
Phần tử - Số bộ trên một hộp ngoài	12
Số vật liệu (12 chữ số)	928481300098
Trọng lượng tịnh SAP (Bộ)	0,142 kg

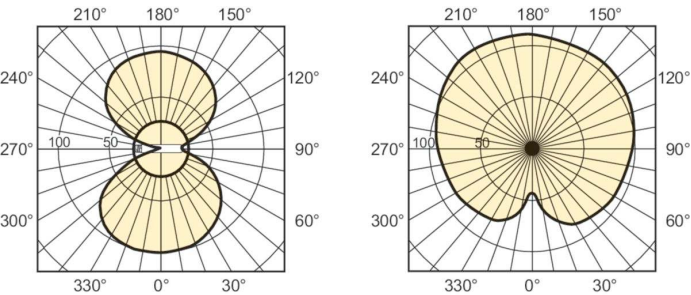
Bản vẽ kích thước



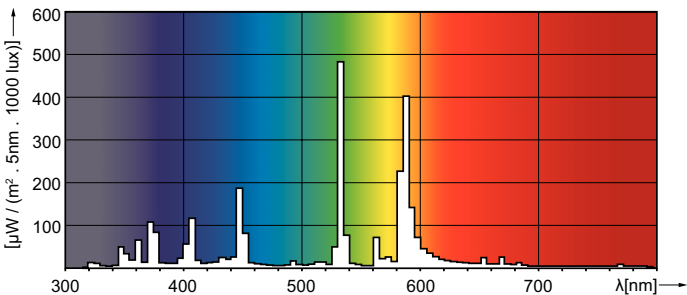
HPI-T Plus 250W/645 E40

Product	D (max)	O	L	C (max)
MASTER HPI-T Plus 250W/645 E40 1SL/12	47 mm	29 mm	155 mm	255 mm

Dữ liệu phân bố ánh sáng



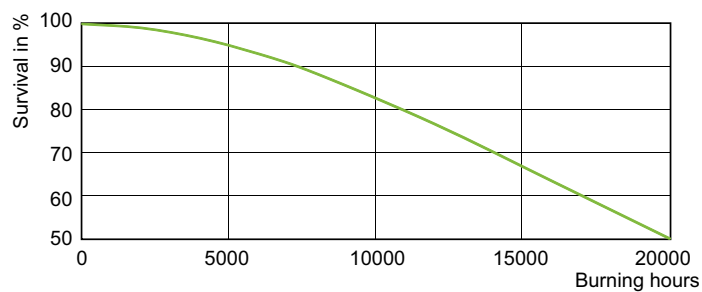
LDLD_HPI-T-Light distribution diagram



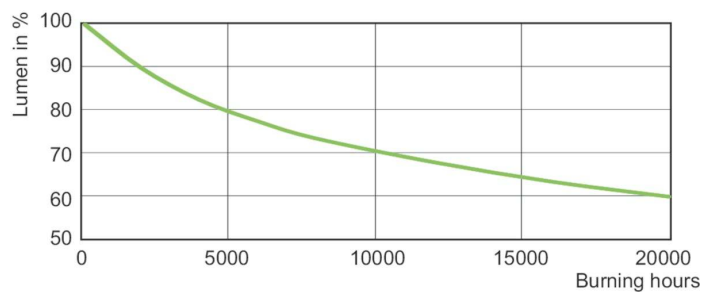
LDPO_HPI-T_Plus_250W_400W-Spectral power distribution Colour

MASTER HPI-T Plus

Tuổi thọ



LDLE_HPI-T_0001-Life expectancy diagram



LDLM_HPI-T_0001-Lumen maintenance diagram

